CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

BÁO CÁO THUYẾT MINH TÓM TẮT

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

Duy Tiên, năm 2024

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên hữu hạn, tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng…

Với vị trí và vai trò đặc biệt của đất đai, cần thiết phải có một chiến lược tổng thể sử dụng nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia thông qua quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất. Vì vậy lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được thể chế hóa bằng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Chương III Điều 53 quy định "Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi của vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư quản lý tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý". Luật Đất đai năm 2013 khẳng định rõ nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo ngành, theo cấp lãnh thổ hành chính và cụ thể hóa tại Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất…

Tại điểm 4 mục 9 Điều 1 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định cụ thể:… *Trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập đồng thời với việc lập quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập và thẩm định xong trước thì trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh cho phù hợp".*

Quy hoạch sử dụng đất thị xã Duy Tiên đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt tại quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 21/9/2021. Tại thời điểm này, quy hoạch tỉnh Hà Nam chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy sẽ không có sự phù hợp về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất từ quy hoạch tỉnh cho các huyện, thành phố, thị xã. Đến nay, Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023. Chỉ tiêu sử dụng đất của các đơn vị hành chính cấp huyện đã được xác định. Do đó cần thiết phải lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của thị xã.

PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

- Luật điều chỉnh bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch năm 2018 số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH2014 ngày 17/11/2020;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử

dụng đất;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 phân bổ chỉ tiêu đất cho tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch chung thị xã Duy Tiên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/4/2022 của HĐND tỉnh Hà Nam về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Hà Nam;

- Nghị quyết của HĐND tỉnh Hà Nam về các dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10 ha đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Duy Tiên.

2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Bản vẽ quy hoạch chung thị xã đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Bản vẽ quy hoạch chi tiết các phân khu trên địa bàn thị xã Duy Tiên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Số liệu thống kê đất đai năm 2023 của thị xã Duy Tiên;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của thị xã Duy Tiên;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Duy Tiên đã được phê duyệt;

- Niên giám thống kê thị xã Duy Tiên các năm 2021, 2022, 2023.

- Các tài liệu khác có liên quan.

3. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của lập điều chỉnh hoạch sử dụng đất

3.1. Mục đích

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của thị xã nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Đảm bảo đủ quỹ đất đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đó ưu tiên cho các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, công nghiệp và đô thị, tạo đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thị xã cũng như của tỉnh.

- Bố trí quỹ đất hợp lý để đảm bảo mục tiêu quốc phòng, an ninh.

- Bố trí sử dụng đất cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng của thị xã trong bối cảnh của tỉnh, vùng và cả nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bố các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các cấp theo quy hoạch phải được cân đối trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chồng chéo và lãng phí trong quá trình sử dụng.

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng và tiềm năng đất đai của thành phố để có kế hoạch và phương án đầu tư, sử dụng hợp lý các danh mục công trình, dự án trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Là cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

3.2. Yêu cầu

Nội dung của Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của thị xã chủ yếu tập trung xác định một số chỉ tiêu sử dụng đất chủ yếu sau:

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, là căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất các năm tiếp theo.

- Xác định diện tích đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trong đó

làm rõ diện tích đất lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thuỷ sản tập trung, đất khu du lịch…

- Xác định diện tích đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, trong đó làm rõ diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất quốc phòng, đất an ninh, đất khu công nghiệp, đất cho hoạt động khoáng sản, đất di tích danh thắng, đất để xử lý, chôn lấp chất thải, đất tôn giáo, tín ngưỡng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất phát triển hạ tầng, đất đô thị.

- Các nhu cầu sử dụng đất phải được tính toán cụ thể đến từng công trình, từng đơn vị cấp phường, xã được thực hiện trong năm 2024, phải đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và những yêu cầu cụ thể trong giai đoạn 2021-2030.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành của Tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Sử dụng hợp lý vốn đầu tư, đất đai và tài nguyên khác.

3.3. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu đánh giá số liệu hiện trạng sử dụng đất, biến động các loại đất về số lượng, chất lượng đất gắn với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh cụ thể đến từng đơn vị cấp xã.

- Điều tra khảo sát thực địa tại các vùng, các khu vực có thay đổi lớn về phát triển kinh tế - xã hội, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế… Từ đó nắm được thay đổi cơ bản cơ cấu sử dụng đất đai.

- Nghiên cứu định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã và của các phường, xã để xác định nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực. Xin ý kiến tham gia của các ngành, các lĩnh vực để thống nhất nhu cầu sử dụng đất. Bao gồm:

+ Chu chuyển đất đai trong nội bộ ngành nông nghiệp đáp ứng sự chuyển dịch cơ cấu cây, con.

+ Nhu cầu đất xây dựng các khu công nghiệp, các khu thương mại dịch vụ, du lịch...

+ Nhu cầu đất phát triển đô thị, chỉnh trang đô thị, phát triển dân cư đô thị.

+ Nhu cầu đất phát triển các vùng nguyên liệu, xây dựng các vùng chuyên canh, thâm canh sản xuất hàng hóa phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

+ Nhu cầu đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, trụ sở các cơ quan tổ chức, các công trình văn hóa, phúc lợi, thể dục thể thao.... phục vụ cộng đồng dân cư.

- Tham gia tư vấn của các chuyên gia, tiếp thu ý kiến kết luận của các hội nghị để chỉnh lý, bổ sung dự thảo và hoàn thiện.

- Trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định.

- Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Bố cục của báo cáo

Nội dung của báo cáo tổng hợp "Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của thị xã Duy Tiên" ngoài phần đặt vấn đề, phần kết luận và kiến nghị, được bố cục thành 4 phần như sau:

Phần I: Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

Phần II: Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

Phần III: Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Phần IV: Giải pháp thực hiện

5. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm của dự án đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của thị xã Duy Tiên, gồm:

- Báo cáo giải trình theo nội dung Thông báo thẩm định;
- Văn bản tiếp thu giải trình ý kiến đóng góp của nhân dân;
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo chuyên đề;
- Nghị quyết của HĐND thị xã Duy Tiên;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất;
- Bản đồ chuyên đề;
- Bản đồ điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024;
- Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024;
- Bản đồ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã các khu vực quy hoạch đất trồng lúa, khu vực quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.
- Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Duy Tiên nằm ở phía Bắc của tỉnh Hà Nam, có phía Bắc giáp thành phố Hà Nội, phía Đông giáp tỉnh Hưng Yên, phía Nam giáp thành phố Phủ Lý, phía Tây giáp thành phố Hà Nội và huyện Kim Bảng. Tổng diện tích tự nhiên là 12.091,85 ha, phường Hòa Mạc là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của thị xã, nằm trên tuyến Quốc lộ 38 nối liền thị xã Duy Tiên với huyện Kim Bảng và thành phố Hưng Yên. Ngoài ra thị xã Duy Tiên còn có đường quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc - Nam, đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình và các tuyến đường tránh QL38, QL37B, QL38B; hiện nay các khu công nghiệp tập trung của tỉnh đã được đầu tư xây dựng ở đây.

Duy Tiên nằm trong vành đai của Vùng đô thị Hà Nội, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 60 km, với việc hình thành tuyến cao tốc Bắc - Nam là yếu tố thuận lợi để Duy Tiên phát triển; là điều kiện quan trọng tạo lợi thế so sánh cho Duy Tiên trong việc mở rộng hợp tác, giao lưu kinh tế với các địa phương khác.

b. Địa hình địa mạo

Thị xã có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng thuộc khu vực châu thổ Sông Hồng chủ yếu là vàn, vàn cao và tương đối bằng phẳng. Nhìn chung địa hình của thị xã khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa và cây vụ đông. Địa hình của thị xã được chia thành 2 tiểu địa hình.

- Vùng ven đê sông Hồng và sông Châu Giang bao gồm các xã Mộc Nam, Mộc Bắc, Châu Giang, Yên Nam, Tiên Sơn ... có địa hình cao hơn, đặc biệt là khu vực núi Đọi, núi Điệp thuộc các xã Tiên Sơn và Yên Nam.

- Vùng có địa hình thấp bao gồm các xã nội đồng như Tiên Nội, Tiên Ngoại, Yên Bắc chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của thị xã; độ cao phổ biến từ 1-2 m, bằng phẳng, xen kẽ là các gò nhỏ, ao, hồ, đầm.

c. Khí hậu

Duy Tiên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều thuộc khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam, đặc điểm nổi bật nhất là sự tương phản giữa mùa đông và mùa hè, cả về tính chất phạm vi và cường độ của các trung tâm khí áp, các khối không khí thịnh hành và hệ thống thời tiết kèm theo cũng thay đổi theo mùa.

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 10 với đặc trưng là nóng, ẩm và mưa nhiều. Hướng gió thịnh hành là gió Đông - Nam với tốc độ 2-

4m/s. Nhiệt độ trung bình cao nhất 38^{0}C, lượng mưa từ 1.100-1.500 mm, chiếm 80% lượng mưa cả năm.

- Mùa khô: Bắt đầu từ giữa tháng 11 cho đến cuối tháng 3 năm sau, có khí hậu lạnh, ít mưa. Hướng gió thịnh hành là gió Đông – Bắc, thường gây lạnh đột ngột. Nhiệt độ trung bình thấp nhất là 15^{0}C, lượng mưa ít, chỉ đạt từ 15-20% lượng mưa cả năm.

Sau đây là một số yếu tố khí hậu chính của thị xã:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm dao động 23,2^{0}C đến 24,6^{o}C.

+ Về mùa đông, nhiệt độ trung bình là 20,1^{o}C. Các tháng lạnh nhất trong năm là tháng 1, 12. Nhiệt độ thấp nhất tới 6 – 8^{o}C.

+ Về mùa hè nhiệt độ trung bình là 28^{o}C. Các tháng nóng nhất trong năm là tháng 6, 7. Nhiệt độ cao nhất đến 32 - 35^{o}C.

+ Biên độ nhiệt trong ngày nhỏ hơn 10^{0}C

+ Lượng bức xạ mặt trời trung bình năm 100Kcal/cm^2

+ Tổng tích ôn khoảng 8.300^{0}C

- Lượng mưa: Lương mưa hàng năm từ 1.800-2.000 mm. Mưa tập trung vào các tháng 7, 8, 9 với gần 80% tổng lượng mưa trong năm. Ngày có lượng mưa cao nhất lên đến 200-250 mm.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình trong cả năm dao động trong khoảng từ 83-85%. Các tháng có độ ẩm không khí cao là tháng 7 và tháng 8 (92%), thấp nhất vào các ngày có gió Tây Nam, có khi xuống dưới 80%.

- Nắng: Số giờ nắng trung bình năm 1.200-1.600 giờ, thuận lợi cho việc phát triển nhiều loại cây trồng và trồng được nhiều vụ trong năm. Mùa đông số giờ nắng chiếm trung bình 28% tổng số giờ nắng cả năm. Có tháng chỉ có 17, 9 giờ nắng, trời âm u, độ ẩm cao sâu bệnh phát triển ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp. Mùa hè có tổng số giờ nắng lớn. Các tháng có số giờ nắng cao là tháng 5, 6, 10.

- Gió, bão: Tốc độ gió trung bình 2 - 2,3 m/s. Trong năm có hai hướng gió thịnh hành: Mùa đông có hướng gió thịnh hành là Đông Bắc, với tần suất 60-70% và tốc độ gió trung bình thường từ 2,4 - 2,6 m/s; Mùa hè có hướng gió thịnh hành là hướng Đông Nam, với tần suất 50-70% và tốc độ gió trung bình đạt 1,9 - 2,2 m/s. Khi có bão đổ bộ tốc độ gió đạt gần 40 m/s.

d. Thuỷ văn

Duy Tiên có mạng lưới sông ngòi tương đối dày đặc với 3 con sông lớn chảy qua là sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ với diện tích 452,68 ha, mật độ sông đạt 0,5 km/km^2, mức ứ nước cao nhất là 0,5 m, thấp nhất là 0,1 m.

- Sông Hồng có lượng nước khá dồi dào là nguồn cung cấp nước chính

cho tỉnh Hà Nam qua sông Nhuệ và các trạm bơm, cống ven sông. Chiều dài sông chạy qua tỉnh 38,64 km tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Hà Nam với tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình, hàng năm bồi đắp phù sa cho diện tích đất ngoài đê và cho đồng ruộng qua hệ thống bơm tưới từ sông Hồng.

- Sông Châu Giang đi qua địa phận thị xã từ Bạch Thượng qua đập Phúc và nối với sông Đáy tại Phủ Lý dài 28 km, đồng thời là ranh giới tự nhiên của huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân. Trên sông có đập ngăn nước làm nhiệm vụ tưới tiêu cho các vùng đất trong khu vực thị xã.

- Sông Nhuệ là sông đào nối sông Hồng tại Hà Nội và hợp lưu với sông Đáy tại Phủ Lý. Đoạn qua Duy Tiên dài 13 km, sông có tác dụng tiêu nước nội vùng đổ ra sông Đáy vào mùa mưa và tiếp nước cho sản xuất vào mùa khô.

Ngoài 3 sông chính, thị xã còn có mạng lưới các sông ngòi nhỏ với các ao, hồ, đầm là nguồn bổ sung và dự trữ rất quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt vào mùa khô hạn.

2.1.2. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

** Nhóm đất phù sa:* Loại đất này được hình thành trên trầm tích của sông Hồng, sông Châu Giang, còn thể hiện rõ các đặc tính xếp lớp của trầm tích, thỏa mãn yêu cầu của vật liệu phù sa được xếp vào nhóm đất phù sa, được chia ra thành 4 loại sau:

- Đất phù sa glây: Loại đất này có diện tích 2.067,24 ha (chiếm 31,74% diện tích của nhóm) có nhiều ở các phường, xã: Yên Bắc, Châu Giang, Tiên Ngoại, Hoàng Đông, Tiên Nội... Là những đất phù sa phân bố ở những nơi có địa hình thấp, thường bị ngập nước hoặc tiêu chậm vào mùa mưa.

Khả năng sử dụng: Đây là loại đất có độ phì nhiêu tự nhiên tương đối khá, tuy nhiên có hạn chế do khả năng tiêu nước vào mùa mưa nên cũng ảnh hưởng tới chế độ canh tác cũng như hiệu quả sử dụng đất. Hiện tại, trên các loại đất này chủ yếu là gieo trồng 2 vụ lúa, và một số nơi chỉ trồng 1 vụ lúa. Nếu cải tạo tốt hệ thống tiêu nước vào mùa mưa có thể gieo trồng cả 3 vụ.

- Đất phù sa có tầng sét biến đổi: Đất phù sa có tầng sét biến đổi có khoảng 662 ha (chiếm 10,16% diện tích của nhóm) (gọi ngắn gọn là *tầng biến đổi*), phân bố rải rác ở nhiều xã, phường trong thị xã; có nhiều ở các phường: Đồng Văn, Hoàng Đông, Tiên Nội;

Loại đất này thường phân bố trên các chân ruộng vàn, là đất phù sa được hình thành do quá trình canh tác, đặc biệt là quá trình thủy lợi hóa đã làm tầng đất dưới có những biến đổi về cấu trúc, mầu sắc và hàm lượng hữu cơ và thiếu những đặc tính để có thể trở thành các tầng chẩn đoán khác.

Khả năng sử dụng: Đất phù sa có tầng biến đổi có thể sử dụng cho nhiều

loại cây trồng, thích hợp cho việc phát triển cây lúa, mầu. Hiện nay đang sử dụng nhiều loại cây trồng khác nhau với các hiệu quả kinh tế khác nhau.

- Đất phù sa chua: Đây là loại đất chiếm diện tích lớn, khoảng 2.159 ha (chiếm 33,15% diện tích của nhóm), phân bố tại hầu hết các phường, xã, chiếm diện tích lớn ở các phường, xã: Châu Giang, Yên Nam, Yên Bắc, Duy Minh, Trác Văn, Tiên Sơn;

Loại đất này trước đây là loại phù sa sông Hồng ít chua, sau đó do địa hình, trong điều kiện khí hậu nóng ẩm mưa mùa ở nước ta, nước đã rửa trôi dần các chất kiềm làm cho đất trở nên chua, đặc biệt là lớp đất mặt. Đồng thời với quá trình rửa trôi đất, còn thấy hiện tượng kết von khá phổ biến. Kết von thường mềm, mầu nâu đen xuất hiện khá sâu (80 - 100 cm). Tầng kết von tập trung thường có độ pH cao hơn trên và dưới. Kết von này có thể chủ yếu là do trong vụ hanh khô đất phơi trơ trọi, nước mạch bốc hơi đưa sắt và mangan lên tầng trên bị oxy hóa mà hình thành.

Khả năng sử dụng: Nhìn chung đây là loại đất mang bản chất phù sa mầu mỡ, song do quá trình khai thác, sử dụng lâu đời, cộng với việc khai thác không có bồi dưỡng trở lại cho đất đã làm giảm độ phì nhiêu của đất.

- Đất phù sa ít chua: Loại đất này có diện tích 1.625 ha (chiếm 24,95% diện tích của nhóm), phân bố nhiều ở các xã Mộc Bắc, Chuyên Ngoại, Trác Văn, Tiên Sơn… dọc sông Hồng và sông Châu Giang.

Loại đất này hình thành do sự bồi đắp thường xuyên của phù sa hệ thống sông Hồng, với bản chất của phù sa là trung tính, kiềm yếu, đất tốt. Một số diện tích đất loại này nằm trong đê, mặc dù không được bồi đắp thường xuyên nhưng vẫn giữ được tính chất trung tính ít chua, là do đất nằm ở độ cao trung bình trong mỗi khu vực không cao quá để bị rửa trôi mạnh, cũng không thấp quá để bị glây.

Khả năng sử dụng: Loại đất này chủ yếu nằm dọc theo sông Hồng và sông Châu Giang, có độ phì nhiêu khá, thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là các loại rau mầu, năng suất các cây trồng trên loại đất này khá cao.

* *Nhóm đất glây:* Nhóm đất glây được chia ra thành 2 loại đất: *Đất glây sẫm mầu* có 79 ha (chiếm 4,30% diện tích của nhóm) và *Đất glây chua* có 1.760 ha (chiếm 95,70% diện tích của nhóm).

Loại đất glây được sử dụng chính với mục đích trồng lúa, một vài nơi kết hợp nuôi trồng thủy sản, có nhiều tại các phường, xã: Tiên Nội, Tiên Ngoại, Bạch Thượng, Yên Bắc, Mộc Nam, Yên Nam…

Đất hình thành trên trầm tích phù sa, không được bồi đắp phù sa trong thời gian dài, thường phân bố ở những nơi có địa hình thấp, bị đọng nước thường xuyên, có mực nước ngầm nông.

Khả năng sử dụng: Do có yếu tố hạn chế về ngập nước thường xuyên và sự xuất hiện tầng glây nông, trên những loại đất này hiện tại chỉ gieo trồng được một hoặc hai vụ lúa. Trên loại đất này một số nơi đã chuyển đổi cơ cấu mùa vụ sang lúa - cá đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nếu cải thiện được hệ thống tưới tiêu, có thể chuyển diện tích một vụ sang hai vụ lúa, thậm chí có thể gieo trồng cả ba vụ. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, có nơi nên cải tạo hệ thống tưới tiêu để thâm canh tăng vụ nhưng cũng có nơi nên phát triển kết hợp giữa trồng lúa và nuôi trồng thủy sản.

* *Nhóm đất tầng mỏng:* Nhóm đất tầng mỏng (LP) có diện tích nhỏ, không đáng kể, xuất hiện ở một vài quả đồi thuộc xã Yên Nam với khoảng 5,00 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên. Loại đất này hình thành trên khu vực đồi dốc, thảm thực vật che phủ kém, quá trình rửa trôi xói mòn xảy ra mạnh mẽ. Nhóm đất này chỉ có duy nhất 1 loại đất chính là đất tầng mỏng chua, đất có thành phần cơ giới là thịt pha cát, tầng đất mỏng, hàm lượng mùn và đạm thấp. Do đó có ý nghĩa cho sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trên loại đất này chỉ trồng rừng kết hợp với các biện pháp chống xói mòn bảo vệ đất.

Đánh giá chung: Đất đai thị xã Duy Tiên có địa hình tương đối bằng phẳng, hàm lượng các chất dinh dưỡng ở mức trung bình khá là một trong những điều kiện thuận lợi cơ bản để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng và bền vững trên cơ sở áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật.

b. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của thị xã Duy Tiên được nhìn nhận và đánh giá trên cơ sở nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm.

Nguồn nước mặt: Chủ yếu là nước sông, hồ, ao, trong đó: sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ là nguồn cung cấp nước chính. Về mùa mưa do ảnh hưởng của mưa lớn tập trung gây ra tình trạng ngập úng cục bộ đối với những vùng đất thấp trũng. Mặt khác thị xã còn có mạng lưới kênh rạch nhỏ và ao, hồ khá dày đặc là nguồn cung cấp, dự trữ quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt là vào mùa khô. Ngoài ra lượng nước mưa hàng năm cũng là nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt nhân dân.

Nguồn nước ngầm: Qua khảo sát ban đầu cho thấy thị xã có nguồn nước ngầm khá dồi dào ở độ sâu dễ khai thác. Nồng độ sắt trong nước khá cao và có xu hướng tăng dần theo hướng từ Đông sang Tây. Nguồn nước ngầm đặc trưng của vùng châu thổ sông Hồng với hai tầng nước ngầm hệ Thái Bình và hệ Hà Nội.

- Tầng chứa nước Holoxen Thái Bình có chiều dày nhỏ, là tầng chứa nước đầu tiên ngay trên mặt đất. Khu vực có thể sử dụng được chỉ chiếm 50% diện tích (lượng khoáng hoá <1mg/lít).

- Tầng chứa nước Pleistoxen thuộc hệ tầng Hà Nội có chất lượng nước biến thiên từ mặn đến nhạt, tầng chứa nước có chiều dày từ 10 – 15 m. Nồng độ sắt trong nước tăng dần theo chiều từ biển vào đất liền.

Nói chung, nguồn nước của thị xã dồi dào và dễ khai thác đưa vào sử dụng. Chất lượng nước mặt khá tốt, nước ngầm nếu khai thác đưa vào sử dụng phải qua quá trình xử lý làm sạch.

c. Tài nguyên khoáng sản

Vùng đất ven sông Châu Giang, có các mỏ sét rộng ở độ sâu từ 0,5 - 1,5m, được khai thác sử dụng làm vật liệu xây dựng. Ngoài ra, ở bãi bồi sông Hồng, các vùng ruộng trũng còn có sét trầm tích dày từ 1- 3m có thể khai thác, sử dụng.

Ở một số xã nằm sát sông Hồng còn có thể khai thác cát phục vụ cho xây dựng, san lấp, tuy nhiên trữ lượng không nhiều và phụ thuộc vào dòng chảy hàng năm của sông.

2.1.3. Thực trạng môi trường

Duy Tiên đang trong thời kỳ phát triển, môi trường sinh thái hiện nay đã bị tác động bởi nước thải công nghiệp, rác thải dân cư, ô nhiễm môi trường không khí do xây dựng, khí thải công nghiệp, giao thông… Bên cạnh đó, do việc sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu cũng gây tác hại không nhỏ đến môi trường nước, đất, không khí. Trong giai đoạn tới cùng với thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần có biện pháp hạn chế sự ô nhiễm môi trường trên địa bàn thị xã.

Kết quả phân tích trong năm 2020 cho thấy sông trên địa bàn thị xã Duy Tiên bị ô nhiễm chất dinh dưỡng nặng thể hiện qua nộng độ NH_4^+ khá cao tại vị trí trạm bơm Hoành Uyển dao động trong khoảng 1,19- 5,6 mg/l-N, tại vị trí cầu Hòa Mạc dao động trong khoảng 0,56-1,83 mg/l-N vượt nhiều lần giới hạn cho phép. Nồng độ các chất hữu cơ như COD, BOD_5 cũng vượt giới hạn cho phép, cụ thể tại trạm bơm Hoành Uyển nồng độ COD trung bình là 26mg/l vượt giới hạn 1,73 lần, nồng độ BOD_5 là 16mg/l vượt 2,67 lần; tại cầu Hòa Mạc nồng độ COD trung bình là 35mg/l vượt 2,3 lần, nồng độ BOD_5 trung bình là 23mg/l vượt giới hạn 3,8 lần. Hàm lượng Coliform trung bình tại trạm bơm Hoành Uyển vượt giới hạn 6,38 lần và tại cầu Hòa Mạc vượt 1,67 lần. NO_2^- tại các vị trí lấy mẫu đều vượt giới hạn cho phép.

2.2. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế- xã hội

2.2.1. Lĩnh vực kinh tế

a. Sản xuất nông nghiệp-nông thôn

Tổng diện tích gieo cấy lúa năm 2023 đạt 6.563,1 ha, đạt 98,0% kế hoạch. Trong đó: vụ Xuân 3.351 ha, vụ Mùa 3.212,1 ha.

Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 43.703 tấn, đạt 101,0% kế hoạch; tiếp tục triển khai thực hiện tốt các mô hình, chương trình, đề án trong sản xuất nông nghiệp như Phun thuốc Bảo vệ thực vật bằng máy bay, cấy lúa bằng máy, phát triển cây ăn quả an toàn vùng chuyển đổi đất...; gieo trồng vụ Đông đến nay được 821 ha, đạt 87,6% kế hoạch. Trong đó: Đậu tương 170 ha, ngô 270 ha, dưa chuột 15 ha, bí xanh, bí đỏ 20 ha, rau đậu các loại 175 ha, cây hàng năm khác 171 ha.

Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản ước đạt 1.407 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch (theo giá SS 2010), tăng 0,93% so với năm 2022. Tổng đàn lợn 40.000 con; Tổng đàn gia cầm 1,3 triệu con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 11,66 nghìn tấn.

Chăn nuôi phát triển ổn định; Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa, tổng đàn bò sữa toàn thị xã đến nay đạt 3.500 con, sản lượng sữa đạt 10.390 tấn; Diện tích nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ "Sông trong ao" đạt 974 ha. Một số xã phát triển nuôi trồng thủy sản với diện tích lớn có hiệu quả (tại các xã, phường Duy Hải, Mộc Bắc, Mộc Nam, Châu Giang, Yên Nam...), sản lượng 6,48 nghìn tấn.

Làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia xúc, gia cầm; triển khai thực hiện Dự án "Lợi ích nguồn gen Gà Châu Á (AsCGG) cho 20 hộ tham gia dự án ở xã Chuyên Ngoại và xã Tiên Sơn. Tổ chức kiểm tra các công trình thủy lợi, công trình đê điều. Chỉ đạo nạo vét được 53.239m3 (đạt 109,5% kế hoạch). Công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất đảm bảo 100% diện tích đủ nước gieo cấy.

Chuẩn bị tốt các điều kiện, vật tư, phương tiện, nhân lực phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Thực hiện tốt công tác quản lý Hợp tác xã, làng nghề. Đã chỉ đạo, hướng dẫn Hợp tác xã công nông nghiệp Ngọc Động, phường Hoàng Đông thực hiện các bước giải thể HTX theo hình thức tự nguyện; Chỉ đạo thành lập 03 HTX kiểu mới: HTX sản xuất rượu Whisky Tiên Sơn; HTX nông nghiệp hữu cơ và du lịch sinh thái gió sông Hồng; HTX Du lịch sinh thái và sinh vật cảnh Sơn Hồng; Chỉ đạo hợp nhất 03 HTXDVNN (HTXDVNN Châu Sơn, HTXDVNN Đọi Sơn, HTXDVNN Tiên Phong) thành HTXDVNN Tiên Sơn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác chỉ đạo điều hành.

* Xây dựng nông thôn mới: Tập trung chỉ đạo chương trình xây dựng NTM; Đến nay, 2 xã Chuyên Ngoại và Trác Văn đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2022 (theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Hà Nam), nâng tổng số xã đạt NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu

trên địa bàn thị xã lên 4 xã. Chỉ đạo xã Yên Nam hoàn thành chương trình xây dựng NTM nâng cao năm 2023.

Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới nâng cao của 03 xã (Yên Nam, Tiên Ngoại, Tiên Sơn) để các xã triển khai thực hiện. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn mới cho các xã Yên Nam, Tiên Ngoại, Tiên Sơn, Mộc Bắc, Mộc Nam; Đôn đốc các xã (Yên Nam, Tiên Ngoại, Tiên Sơn) phối hợp với đơn vị tư vấn lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã trình thẩm định, phê duyệt.

b. Sản xuất Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất CN - TTCN (giá SS 2010) ước đạt 103.903 tỷ đồng, đạt 100,01% kế hoạch năm, tăng 16,27% so với năm 2022. Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh duy trì thực hiện hiệu quả 10 cam kết của tỉnh đối với các nhà đầu tư trên cơ sở kế thừa và có sự đổi mới sáng tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Duy trì và phát triển các làng nghề, cụm công nghiệp trên địa bàn. Đến nay, thị xã có 9 làng nghề (trong đó có 5 làng nghề truyền thống TTCN, 4 làng nghề TTCN) và 11 làng có nghề. Mức thu nhập bình quân khoảng 4-6 triệu đồng/người/tháng.

Địa bàn thị xã có 05 cụm công nghiệp *(02 cụm công nghiệp Cầu Giát, Hoàng Đông đang hoạt động với diện tích 26,2ha; 01 cụm công nghiệp Châu Giang đang đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nhà máy lắp ráp ô tô với diện tích 39,69 ha; 02 cụm công nghiệp Yên Lệnh và Trác Văn hiện đang thực hiện giải phóng mặt bằng, thu hồi, giao đất với tổng diện tích 125,74 ha).* Quy hoạch phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, thị xã thành lập thêm 02 cụm công nghiệp, làng nghề (Nha xá, Tiên Sơn) với diện tích khoảng 20ha.

Duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

c. Tài chính -Thương mại- Dịch vụ

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 1.162,851 tỷ đồng, tăng 17,8% so với KH năm (trong đó: Thu từ tiền sử dụng đất ước đạt 926,79 tỷ đồng). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 11.550 tỷ đồng, đạt 100,6% kế hoạch năm, tăng 19,81% so với năm 2022. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm đối với hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thị xã. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 2.669 triệu USD, tăng 16,19% so với năm 2022, đạt 100,15% kế hoạch năm.

d. Tài nguyên và Môi trường

- Trong năm 2023 đã cấp 173 GCNQSD đất lần đầu cho 173 hộ gia đình, cá nhân ; ban hành 25 Quyết định cấp đổi GCNQSD đất nông nghiệp sau dồn

đổi ruộng đất đối với 3.275 hộ gia đình, cá nhân; Cấp mới 18.075 GCNQSD đất cho 2.975 hộ gia đình, cá nhân khi đủ điều kiện; ban hành 879 Quyết định thu hồi 72,94 ha đất đối với 1.278 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức và Ủy ban nhân dân xã sử dụng, quản lý ban hành quyết định phê duyệt 37 phương án bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện 22 dự án đầu tư trên địa bàn thị xã với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 148,06 tỷ đồng. Bao gồm: (1) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III (phía tây đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình); (2) dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng – khu B, tỉnh Hà Nam; (3) dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tổ dân phố Hoàng Lý, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT03.21); (4) dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở phía Đông cụm công trình phòng cháy chữa cháy, tại phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT13.21); (5) dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng – giai đoạn 1, tỉnh Hà Nam; (6) dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị phía Nam tổ dân phố Bùi, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT01.21); (7) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ QL 38 đến Khu Đại học Nam Cao đoạn Km1+200-Km2+420 (trước đây là dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh giai đoạn 3); (8) dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ tuyến tránh QL38 đến cụm công nghiệp Châu Giang, thị xã Duy Tiên; (9) dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị Quang Thành; (10) dự án đường dây 110kV cấp điện TBA 110kV Seoul Semicomductor Vina của tỉnh Hà Nam; (11) dự án xây dựng khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; (12) dự án xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tại khu đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam; (13) dự án đường dây và TBA 110kV Tiên Hiệp, tỉnh Hà Nam tại xã Tiên Ngoại và xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên; (14) dự án chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, phường thuộc thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam năm 2021; (15) dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại và nhà ở đô thị tại phường Duy Minh và phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên (giai đoạn 1); (16) dự án Xây dựng trạm y tế phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên (17) dự án xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tại khu đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam, tại phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên; (18) Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại phường Châu Giang và phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; (19) dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ đền bà Quận đến trường mầm non tổ dân phố Trại Quan Nha, phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên; (20) Dự án đầu tư xây dựng Cụm cảng Yên Lệnh Hà Nam; (21) dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở đô thị Văn Xá tại xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên (nay là phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên), tỉnh Hà Nam; (22) Dự án đầu tư xây dựng 05 tuyến đường trục chính

thuộc Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu vực trung tâm đô thị Duy Tiên theo hình thức đối tác công tư (PPP) hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT).

- Hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã và hồ sơ Cập nhật Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; Hoàn thiện danh mục điều chỉnh, bổ sung dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn thị xã; Triển khai thực hiện việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã và việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã; triển khai thực hiện nhiệm vụ làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia trên địa bàn thị xã.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ đấu giá quyền sử dụng dụng đất 01 Dự án với diện tích 1,15ha; chỉ đạo việc rà soát giá đất trên địa bàn thị xã và báo cáo đề xuất điều chỉnh Bảng giá đất trên địa bàn giai đoạn 2020-2024

- Cấp giấy phép môi trường 01 dự án đầu tư trên địa bàn thị xã , phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề truyền thống Rượu Bèo, thôn Thượng, xã Tiên Ngoại; Thường xuyên Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan đơn vị, các xã, phường làm tốt công tác ra quân tổng vệ sinh môi trường, thu gom, bốc xúc, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã về nhà máy xử lý theo quy định.

- Công tác giải phóng mặt bằng: Thực hiện giải phóng mặt bằng 29 dự án trên địa bàn (trong đó: 11 Dự án đã hoàn thành ; 02 Dự án cơ bản hoàn thành; 16 Dự án đang triển khai). Tập trung giải quyết những tồn tại vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng một số dự án trên địa bàn.

2.2.2. Lĩnh vực Văn hoá-Xã hội

a. Văn hoá và thông tin

Công tác thông tin, tuyên truyền với hình thức phong phú, đa dạng nhân kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước và những nhiệm vụ chính trị của địa phương. Kết quả Từ đầu năm tới nay: Toàn thị xã treo 6.700 băng zôn; trên 5000 pa nô treo cột điện; 2.800 vi nhét; 3.920 lượt phướn; 4.530 khẩu hiệu tường và gần 80.000 lượt cờ các loại, dựng các cụm pano (trong đó 10 cụm panô khổ lớn 3mx10m) tại phường Hòa Mạc, phường Đồng Văn, xã Tiên Sơn, xã Mộc Nam…tổ chức thành công giải thể thao chào mừng kỷ niệm 48 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4, ngày quốc tế lao động 1/5, 78 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 02/9. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã và Trang Thông tin điện tử thị đã sản xuất, cập nhật gần 8.000 tin, bài về các sự kiện chính trị - xã hội, an ninh – quốc phòng của Trung ương, tỉnh, thị xã.

Chỉ đạo tổ chức thành công Lễ hội Tịch Điền, Lễ hội chùa Long Đọi Sơn, Lễ hội Đền Lảnh Giang năm 2023 để lại ấn tượng sâu sắc đối với du khách thập phương và nhân dân. Tổ chức thành công Lễ phát động Tháng hoạt động TDTT cho mọi người và ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, giải Việt dã thị xã Duy Tiên năm 2023. Chỉ đạo tổ chức thành công Liên hoan thiếu nhi tuyên truyền giới thiệu sách, Liên hoan nghệ thuật quần chúng, tuyên truyền giới thiệu Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn thị xã năm 2023 và Giải Thể hình thị xã Duy Tiên mở rộng năm 2023. Thường xuyên phát động phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại. Tham gia liên hoan nghệ thuật quần chúng tỉnh Hà Nam năm 2023 đạt giải Nhất toàn đoàn; Triển khai kế hoạch tuyên truyền Bộ Quy tắc ứng xử trên địa bàn thị xã. Kết quả: Bộ Quy tắc đã được niêm yết tuyên truyền tại Trụ sở UBND các xã, phường; Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, các di tích xếp hạng….

b. Giáo dục và đào tạo

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn. Chỉ đạo ngành Giáo dục và ĐT chỉ đạo các nhà trường tích cực tham gia các cuộc thi, hội thi do các cấp phát động: Kết quả các cuộc thi, hội thi dành cho học sinh: Thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh: Toàn đoàn đạt 55/80 giải; Kết quả thi HSG TDTT cấp tỉnh đạt tổng số 24 huy chương, toàn đoàn xếp thứ 01/6 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; Kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023-2024 với điểm bình quân 3 môn 6,814; xếp thứ 2/6 huyện, TX, TP trong tỉnh.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án hướng nghiệp, đào tạo nghề, phân luồng và liên thông trong giáo dục đào tạo của thị xã Duy Tiên, giai đoạn 2020-2030. Kết quả phân luồng học sinh sau THCS năm 2023: Tổng số HS tốt nghiệp năm học 2022-2023 là 1.812 (trong đó: 1.063 học sinh học lớp 10 THPT chiếm tỷ lệ 58,66%; 643học sinh học hệ GDTX và đào tạo nghề chiếm tỷ lệ 35,49%; còn lại 106 học sinh, chiếm tỷ lệ 5,7%)

Tiếp tục triển khai thực hiện đề án hạ tầng giáo dục, y tế thị xã giai đoạn 2020-2030. Quy hoạch mở rộng quỹ đất tại 11 trường thuộc 8 xã, phường đảm bảo nhu cầu các cơ sở giáo dục; Đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất các trường học trong năm 2023 với tổng kinh phí 294,579 tỷ đồng (trong đó: Kinh phí xây dựng: 218,680 tỷ đồng (58,562 tỷ cấp mầm non, 99,2 tỷ cấp Tiểu học, 60,5 tỷ cấp THCS); Kinh phí nâng cấp, sửa chữa: 68,999 tỷ đồng (35,499 tỷ cấp mầm non, 13,3 tỷ cấp Tiểu học, 20,2 tỷ cấp THCS); Kinh phí mua sắm: 6,9 tỷ đồng (3,5 tỷ cấp mầm non, 1,8 tỷ cấp Tiểu học, 1,6 tỷ cấp THCS).

Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (ở cả 3 cấp học) đạt 98,07%. Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công

tác giáo dục và đào tạo, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm học 2022-2023 của tỉnh Hà Nam, được tặng cờ thi đua của Chính phủ.

c. Y tế-Dân số-Kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn. Tăng cường quản lý nhà nước đối với hành nghề y, dược, mỹ phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức kiểm tra được 80 cơ sở Dược, giám sát 660 lượt cơ sở kinh doanh Dược, Mỹ phẩm; Phối hợp với Sở y tế thẩm định cấp mới 17 Nhà thuốc và gia hạn 3 Nhà thuốc, 3 Quầy thuốc đạt tiêu chuẩn, nguyên tắc thực hành tốt Nhà thuốc GPP trên địa bàn; Phối hợp với Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh lấy mẫu thuốc kiểm nghiệm 99 mẫu thuốc, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm tại 33 cơ sở kinh doanh Dược trên địa bàn; kiểm tra liên ngành, liên ngành 40/40 cơ sở Y tư nhân, 4 cơ sở y dược học cổ truyền, 80 cơ sở kinh doanh thực phẩm chức năng, qua kiểm tra các cơ sở đều chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành; Đoàn kiểm tra liên ngành thị xã kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về ATTP đối với 8/51 cơ sở với tổng số tiền 28.000.000đồng; phối hợp đoàn kiểm tra liên ngành tỉnh kiểm tra được 17 cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán, tháng hành động, Tết Trung thu,…

Thực hiện khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân tại các tuyến là 96.405 lượt người. Trong đó: Khám bệnh tại TTYT thị xã là 58.895 lượt người; Trạm y tế xã, phường 37.510 lượt người).

Thực hiện tiếp nhận Trung tâm Y tế từ Sở Y tế về UBND thị xã quản lý theo Quyết định của UBND tỉnh; Chỉ đạo ngành y tế bố trí cán bộ thường trực đầy đủ 24/24h, đảm bảo phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh và cấp cứu phục vụ nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn thị xã ước đạt 93%.

d. Lao động - Thương binh và Xã hội

Các chế độ chính sách đối với người có công được bảo đảm đầy đủ, kịp thời; thực hiện tốt chính sách đối tượng BTXH, giảm nghèo và chi trả trợ cấp cho các đối tượng trên địa bàn theo đúng quy định. Năm 2023, đã giải quyết 435 hồ sơ thôi hưởng trợ cấp; 158 hồ sơ mai táng phí; Giải quyết trợ cấp hàng tháng đối với 144 NKT mới; 229 người cao tuổi; 41 hồ sơ NCT đề nghị chuyển hưởng NKT; 21 hồ sơ BTXH khác; 182 hồ sơ nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng; điều chỉnh 78 người khuyết tật; Điều chỉnh NKT hết tuổi trẻ em 101 đối tượng; NCT đang hưởng hưu xã 107 đối tượng.

Đã chi trả chế độ cho các đối tượng NCC 81.894.080.429 đồng; Chi trợ cấp 1 lần cho NCC: 3.177.338.215đồng; Chi mai táng phí CCB, 290, 62: 2.047.582.100 đồng; Chi trả chế độ BTXH: 56.647.395.000 đồng; Chi mai táng phí cho đối tượng BTXH: 2.452.173.000 đồng

Phát động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2023, kết quả, tính đến nay đã vận động được 158.466.000đồng. Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, đã tạo việc làm mới cho 5.000 người và việc làm thêm cho 5.100 người, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm còn 1,14%.

e. Công tác an ninh quốc phòng

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế trọng điểm, không để xảy ra các vụ việc phức tạp. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội đạt kết quả thiết thực, thực hiện quyết liệt đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, chất lượng và tỷ lệ điều tra, khám phá án cao, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự được nâng cao gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính. Triển khai có hiệu quả 02 Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và sản xuất, cấp quản lý căn cước công dân; Đề án số 06 của Chính phủ về "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được chú trọng, tiếp tục duy trì hoạt động các mô hình đang phát huy hiệu quả và xây dựng các mô hình mới thiết thực.

Tổ chức tốt Ngày Hội tòng quân, Lễ giao, nhận quân năm 2023; bàn giao đủ 100% chỉ tiêu giao quân cho các đơn vị đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng quy định; Chỉ đạo khám sức khỏe và hoàn thiện hồ sơ cho 26 trường hợp đăng ký tuyển sinh quân sự vào các Học viện nhà trường trong quân đội, bảo đảm công khai, đúng hướng dẫn, chất lượng tốt. Chỉ đạo công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cho 916 nam công dân tuổi 17.

Hoàn thành chương trình bồi dưỡng giáo dục kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch; Chỉ đạo 06 xã, phường (Yên Nam, Chuyên Ngoại, Yên Bắc, Duy Minh, Duy Hải, Bạch Thượng) diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ đảm bảo an toàn, đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

f. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân

Năm 2023, tổ chức 01 cuộc kiểm tra hành chính đối với 01 đơn vị, tổ chức 01 cuộc thanh tra trách nhiệm đối với 11 đơn vị; chỉ đạo Thanh tra thị xã tổ chức 3 cuộc Thanh tra hành chính đối với 06 đơn vị. Tổng số lượt tiếp công dân là 324 lượt; Tổng số vụ việc tiếp nhận là 112 vụ việc (trong đó: đã giải quyết được 105 vụ việc, đang giải quyết 07 vụ việc).

Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng. Năm 2023, chưa phát hiện cán bộ công chức có vụ lợi cá nhân tham ô, tham nhũng, nhũng nhiễu nhân dân.

1.2.3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

+ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Duy Tiên đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 22/11/2023.

+ Lập Chương trình phát triển đô thị thị xã Duy Tiên đến năm 2030 trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đề xuất 03 dự án: Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội cho công nhân và người lao động trong khu công nghiệp tại phường Bạch Thượng; Đầu tư xây dựng Khu nhà ở và thương mại dịch vụ tổng hợp thuộc quy hoạch phân khu 1/2000 Khu vực phía Đông Đồng Văn; Đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại xã Chuyên Ngoại.

+ Trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương nghiên cứu lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm du lịch văn hóa tâm linh đền Lảnh Giang, xin gia hạn thời gian thực hiện 07 dự án: ĐTXD Khu nhà ở Hano Park 2, tại phường Duy Hải; Khu nhà ở và thương mại tại phường Duy Minh, Duy Hải; Khu nhà ở đô thị Quang Thành; Đầu tư xây dựng 05 tuyến đường trục chính thuộc Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu vực trung tâm đô thị Duy Tiên theo hình thức đối tác công tư PPP (Hợp đồng BT) và dự án đối ứng là: Xây dựng khu nhà ở đô thị trung tâm Duy Tiên; xin gia hạn thời gian thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở Chợ Lương, tại phường Yên Bắc và dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở đô thị Văn Xá, tại phường Yên Bắc để hoàn trả vốn cho nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao ngã ba Hòa Mạc đến đường ĐH05 (từ Km0+00 đến Km2+560.41) theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; xin gia hạn thời gian thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao ngã ba Hòa Mạc đến đường ĐH05 (Từ Km0+00 đến Km2+560,41) theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Tập trung đầu tư xây dựng HTKT các khu đô thị, khu nhà ở trên địa bàn. Đến nay trên địa bàn có 67 dự án, cụ thể: Có 07 dự án đã cơ bản hoàn thành với tổng diện tích 167,3ha; 16 dự án đang triển khai đầu tư xây dựng với tổng diện tích 208,01ha; 10 dự án đã lựa chọn nhà đầu tư với tổng diện tích 403,02ha; 10 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng diện tích 286,62ha; 24 dự án đang lập, trình thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng diện tích 861,25ha. (Trong đó, Dự án nhà ở xã hội có 04 dự án đã đầu tư xong với tổng diện tích 3,76ha, 02 dự án đang đầu tư xây dựng với diện tích 7,08ha, 02 dự án đang trình chấp thuận chủ

trương đầu tư với tổng diện tích 14,3ha). Phê duyệt Đề án phát triển hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng trên địa bàn thị xã.

b. Thực trạng phát triển nông thôn

Hệ thống cơ sở hạ tầng trong các khu dân cư nông thôn có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước. Giao thông nông thôn có nhiều tiến bộ cả về hạ tầng và phương tiện đi lại. Tỷ lệ các hộ dân dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống điện, thông tin, bưu điện, phát thanh truyền hình, các cơ sở văn hoá xã hội phục vụ công cộng ngày càng được chú ý đầu tư xây dựng. Hầu hết nhà ở của nhân dân đã được bê tông hoá. Xu hướng đô thị hoá nông thôn diễn ra rất nhanh, hình thành một số trung tâm cụm xã là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tiểu vùng.

1.2.4. Thực trạng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông

Trên địa bàn thị xã Duy Tiên có 3 loại hình giao thông: đường bộ, đường sắt và đường thủy.

* Đường bộ:

- Giao thông đối ngoại đường bộ gồm các tuyến:

+ Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: Đoạn qua thị xã Duy Tiên - Hà Nam có chiều dài khoảng 10 km, cấp đường cao tốc loại A, tốc độ thiết kế 100 - 120km/h. Hiện tại, tuyến qua địa bàn đang được xây dựng mặt cắt ngang đường 4 làn xe cơ giới (chiều rộng mặt đường 28 m, chỉ giới đường đỏ 80 m). Đoạn qua thị xã Duy Tiên có nút giao khác mức liên thông là nút giao với QL38 tại Vực Vòng. Các nút giao còn lại với các đường khác là các nút giao trực thông bằng cầu vượt.

+ Quốc lộ 1A: Đoạn qua thị xã Duy Tiên có chiều dài khoảng 7,9 km. Hiện nay, đã hoàn thành nâng cấp cải tạo thành đường cấp III-ĐB, 4 làn xe (chiều rộng mặt đường 20 m, chỉ giới đường đỏ 60 m).

+ Tuyến tránh Quốc lộ 1A có chiều dài 3 km, chiều rộng mặt đường 12,0 m, chỉ giới hành lang 15 m.

+ Quốc lộ 37B: Đoạn qua thị xã Duy Tiên có chiều dài khoảng 10 km, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

+ Quốc lộ 38: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 13,7 km, hiện đã được nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, mặt đường trải nhựa, chiều rộng mặt đường 11 m, chỉ giới đường đỏ 41 m.

+ Tuyến tránh Quốc lộ 38 có chiều dài 10,2 km, chiều rộng mặt đường 2,0 m, chỉ giới hành lang 15 m.

+ Quốc lộ 38B: Đoạn xã Chuyên Ngoại sang huyện Lý Nhân có chiều dài khoảng 3,5 km, chiều rộng mặt đường 9 m.

+ Đường tỉnh 493: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 2 km, là đường cấp VI-ĐB, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

+ Đường tỉnh 493B: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 1,5 km, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

- Giao thông đối nội:

+ Hệ thống đường trung tâm thị xã: Hòa Mạc, Yên Bắc, mạng lưới đường đang dần hình thành theo quy hoạch. Các đường trục chính trung tâm được rải nhựa, hè đường đã được xây dựng. Các tuyến đường khu vực, phân khu vực có mặt đường bê tông xi măng, chỉ có lề đường chưa được lát gạch.

+ Đường giao thông liên phường, liên xã, và giao thông nội bộ trong các khu dân cư: Tổng chiều dài hệ thống đường trên địa bàn thị xã là 148,62 km, đã cứng hóa được trên 90%; mật độ đường giao thông bình quân đạt 1,76 km/km².

* Giao thông đường sắt:

- Tuyến đường sắt qua tỉnh Hà Nam thuộc tuyến đường sắt Thống Nhất, khổ đường 1.000 mm. Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài khoảng 7,9 km. Trong những năm gần đây, tuyến đường này đã được cải tạo, nâng cấp từng bước, chất lượng vận tải có tốt hơn. Tuy nhiên, tuyến vẫn còn tồn tại cần phải khắc phục trong những năm tương lai.

- Ga: đường sắt qua khu vực có ga Đồng Văn với 03 đường ga, chiều dài khoảng 500 m, quy mô và chất lượng còn hạn chế.

* Giao thông đường thủy:

- Chủ yếu là 3 tuyến sông chính: Sông Hồng, sông Nhuệ và sông Châu Giang đi các tỉnh Nam Định, Hà Nội, Hưng Yên ... thuận lợi cho việc vận chuyển, trao đổi hàng hoá với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Từ nay đến năm 2020 Cảng dùng chung Yên Lệnh sẽ được đầu tư xây dựng, là nơi tập trung và vận chuyển hàng hóa của tỉnh đi các nơi khác, đặc biệt lại gần với khu công nghiệp Đồng Văn nên việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa, sản phẩm rất thuận lợi.

b. Thủy lợi, sông ngòi

Đang trong giai đoạn đô thị hóa mạnh mẽ, phát triển mạnh về công nghiệp, vì vậy diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi để phục vụ cho đô thị hóa, công nghiệp hóa là rất lớn. Vì vậy hệ thống thủy lợi của thị xã cũng bị ảnh hưởng.

Duy Tiên có địa hình thấp, bốn bề là sông bao bọc nên thuỷ lợi của Duy Tiên luôn được quan tâm hàng đầu. Hiện nay trên địa bàn thị xã có 20 trạm bơm lớn do công ty khai thác công trình thuỷ lợi quản lý (7 trạm chuyên tiêu, 11 trạm tưới tiêu kết hợp và 2 trạm chuyên tưới) được chia thành 158 tổ máy với tổng công suất 247.500 m3/h; 27 cống dưới đê cấp 1 (17 cống tưới và 10 cống tiêu), 204 cống nội đồng cấp II (105 cống tưới và 99 cống tiêu); 30 tuyến kênh cấp I với tổng chiều dài 117 km; 196 tuyến kênh cấp II với tổng chiều dài 163,5km.

Nhìn chung hệ thống thuỷ lợi của Duy Tiên phân bố tương đối đồng đều với mật độ khá cao ở các phường, xã, đã góp phần rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên một số công trình như kênh A4-6, đê hoành Uyển từ QL 1A đến trạm bơm Chợ Lương, kênh tiêu trạm bơm Yên Lệnh trong thời gian tới cần được nâng cấp và tu sửa kịp thời để đảm bảo việc tưới tiêu kịp thời.

c. Năng lượng

Hiện đã có 100% số xã, phường trong thị xã được sử dụng điện lưới quốc gia phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Cơ sở hạ tầng ngành điện của thị xã đã được đầu tư khá đồng bộ, bao gồm: 51,06 km đường trung cao thế từ 10KV đến 35KV; 571,61 km đường hạ thế; 68 trạm biến áp với tổng công suất 13.040 KVA. Khu Công nghiệp Đồng Văn đã có trạm biến áp 110 KV đáp ứng nhu cầu về điện cho các cơ sở sản xuất.

d. Bưu chính viễn thông

Hệ thống phát thanh tuyên truyền cổ động không ngừng thông tin kịp thời những diễn biến thời sự, văn hóa, xã hội trong nước và quốc tế cho người dân. Tuyên truyền, giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân hiểu và thực hiện theo chủ trương Đường lối của Đảng và Nhà nước.

Những năm qua bưu chính viễn thông thị xã đã có những bước phát triển đột phá, đến nay 100% các cơ quan xí nghiệp, công sở, trường học, trạm, trại, tư nhân lắp điện thoại. Việc thông tin liên lạc luôn đảm bảo nhanh thông suốt, kịp thời chính xác đã góp phần tích cực trong điều hành sản xuất, kinh doanh cũng như nhu cầu trao đổi thông tin của nhân dân.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

Tổng diện tích tự nhiên thị xã đến 31/12/2023 là 12.091,85 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 6.391,59 ha, chiếm 52,86% tổng diện tích tự nhiên;

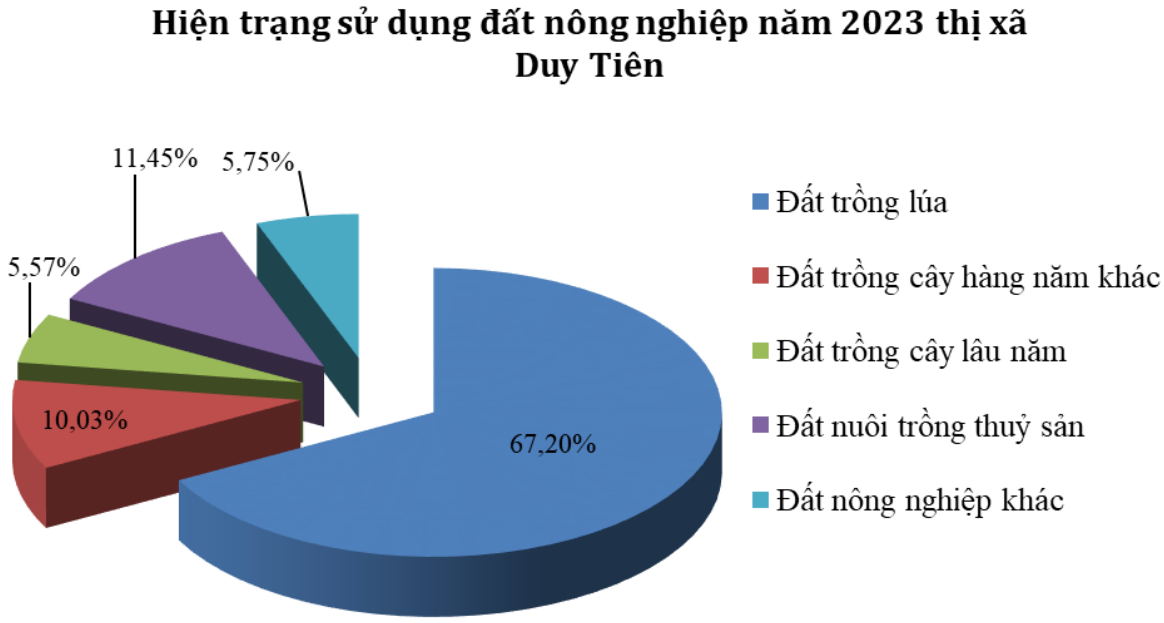

- Đất trồng lúa: Đến 31/12/2023, đất trồng lúa có diện tích là 4.295,24 ha, chiếm 67,20% tổng diện tích đất nông nghiệp, nhiều nhất tại xã Tiên Sơn, xã Tiên Ngoại, xã Yên Nam.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Đến 31/12/2023, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là 640,81 ha, chiếm 10,03% tổng diện tích đất nông nghiệp, phân bố nhiều tại xã Mộc Bắc và xã Trác Văn.

- Đất trồng cây lâu năm: Đến 31/12/2023, đất trồng cây lâu năm có diện tích là 355,79 ha, chiếm 5,57% tổng diện tích đất nông nghiệp, tập trung chủ yếu tại phường Châu Giang, xã Tiên Sơn.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Đến 31/12/2023 đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 731,96 ha, chiếm 11,45% tổng diện tích đất nông nghiệp, phân bố chủ yếu tại phường Châu Giang và xã Chuyên Ngoại.

- Đất nông nghiệp khác: Đến 31/12/2023, đất nông nghiệp khác có diện tích là 367,78 ha, chiếm 5,75% tổng diện tích đất nông nghiệp, tập trung tại xã Mộc Bắc.

b. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp

- Đất quốc phòng: Đến 31/12/2023, đất quốc phòng có diện tích là 15,37 ha, chiếm 0,27% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung nhiều trên địa bàn

xã Tiên Sơn và phường Yên Bắc. Việc sử dụng đất quốc phòng đã tuân thủ quy định nhằm sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả đảm bảo tính cơ động, kịp thời.

- Đất an ninh: Đến 31/12/2023, đất an ninh có diện tích là 33,28 ha, chiếm 0,59% diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung nhiều tại phường Hoàng Đông.

- Đất khu công nghiệp: Đến 31/12/2023, đất khu công nghiệp có diện tích là 1.061,92 ha, chiếm 18,85% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cụm công nghiệp: Đến 31/12/2023, đất cụm công nghiệp có diện tích là 65,85 ha, chiếm 1,17% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất thương mại, dịch vụ: Đến 31/12/2023, đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 8,89 ha, chiếm 0,16% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Đến 31/12/2023, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 191,04 ha, chiếm 3,39% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Đến 31/12/2023, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích là 74,05 ha, chiếm 1,31% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất phát triển hạ tầng: Đến 31/12/2023, đất phát triển hạ tầng có diện tích là 2.209,83 ha, chiếm 39,22% tổng diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Đất giao thông: Đến 31/12/2023, đất giao thông có diện tích là 1.297,30 ha, chiếm 58,71% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất thủy lợi: Đến 31/12/2023, đất thủy lợi có diện tích là 520,97 ha, chiếm 23,58% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Đến 31/12/2023, đất cơ sở văn hóa có diện tích là 21,00 ha, chiếm 0,95% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Đến 31/12/2023, đất cơ sở y tế có diện tích là 8,45 ha, chiếm 0,38% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: bao gồm diện tích khuôn viên các trường mầm non, tiểu học, trung học… Đến 31/12/2023, đất cơ sở giáo dục đào tạo có diện tích là 145,40 ha, chiếm 6,58% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: Đến 31/12/2023, đất cơ sở thể dục thể thao có diện tích là 21,09 ha, chiếm 0,95% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất công trình năng lượng: Đến 31/12/2023, đất công trình năng lượng có diện tích là 7,19 ha, chiếm 0,33% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng. Đất này chủ yếu là để xây dựng hệ thống tải điện, hệ thống mạng truyền thông…

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Đến 31/12/2023, đất công trình bưu chính có diện tích là 1,02 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Đến 31/12/2023, đất bãi thải, xử lý chất

thải có diện tích là 2,89 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Đến 31/12/2023, đất cơ sở tôn giáo có diện tích là 31,54 ha, chiếm 1,43% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, gồm diện tích các chùa, nhà thờ, thánh thất…

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Đến 31/12/2023, đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích là 133,07 ha, chiếm 6,02% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất chợ: Đến 31/12/2023, đất chợ có diện tích là 6,59 ha, chiếm 0,30% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Đến 31/12/2023, đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích 5,30 ha, chiếm 0,09% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại nông thôn: Đến 31/12/2023, đất ở tại nông thôn có diện tích là 603,57 ha, chiếm 10,71% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: Đến 31/12/2023, đất ở tại đô thị có diện tích là là 757,94 ha, chiếm 13,45% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến 31/12/2023, đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích là 16,44 ha, chiếm 0,29% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Đến 31/12/2023, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích là 0,53 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Đến 31/12/2023, đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là là 18,90 ha, chiếm 0,34% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Đến 31/12/2023, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 452,10 ha, chiếm 8,02% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Đến 31/12/2023, đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích là 112,41 ha, chiếm 2,00% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất phi nông nghiệp khác: Đến 31/12/2023, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 6,47 ha, chiếm 0,11% diện tích đất phi nông nghiệp.

c. Đất chưa sử dụng

Đến 31/12/2023 đất chưa sử dụng trên địa bàn thị xã còn 66,35 ha, chiếm 0,55% tổng diện tích đất tự nhiên.

Bảng. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 thị xã Duy Tiên

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**12.091,85**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**6.391,59**	**52,86**
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.295,24	67,20

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*4.182,56*	*97,38*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	640,81	10,03
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	355,79	5,57
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	731,96	11,45
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	367,78	5,75
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**5.633,91**	**46,59**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,37	0,27
2.2	Đất an ninh	CAN	33,28	0,59
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.061,92	18,85
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	65,85	1,17
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	8,89	0,16
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	191,04	3,39
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	74,05	1,31
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.209,83	39,22
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	1.297,30	58,71
-	Đất thủy lợi	DTL	520,97	23,58
-	Đất xây dựng cơ ở văn hóa	DVH	21,00	0,95
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,45	0,38
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	145,40	6,58
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	21,09	0,95
-	Đất công trình năng lượng	DNL	7,19	0,33
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,02	0,05
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,89	0,13
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	31,54	1,43
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	133,07	6,02
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	6,59	0,30
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,30	0,09
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	603,57	10,71
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	757,94	13,45
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,44	0,29
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,01

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	18,90	0,34
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	452,10	8,02
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	112,41	2,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,47	0,11
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**66,35**	**0,55**

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH THỜI KỲ 2021-2030

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch

Thực hiện Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Kết quả đạt được như sau:

Bảng. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 *(theo QĐ số 1678)*	Kết quả thực hiện		
				Diện tích năm 2023 (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**1.175,96**	**6.391,59**	**5.215,63**	**543,52**
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	252,88	4.295,24	4.042,36	1.698,50
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*245,94*	4.182,56	3.936,62	1.700,62
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	219,67	640,81	421,14	291,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	164,40	355,79	191,39	216,42
1.4	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	265,16	731,96	466,81	276,05
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	273,86	367,78	93,92	134,30
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**10.851,82**	**5.633,91**	**-5.217,92**	**51,92**
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,55	15,37	-2,18	87,58
2.2	Đất an ninh	CAN	37,89	33,28	-4,60	87,85
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.541,00	1.061,92	-1.479,08	41,79
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	169,00	65,85	-103,15	38,97
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	363,80	8,89	-354,90	2,44
2.6	Đất cơ sở sx phi nông nghiệp	SKC	282,13	191,04	-91,09	67,71
2.7	Đất sd cho hoạt động khoáng sản	SKS	-			
2.8	Đất sx vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	118,29	74,05	-44,23	62,61

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 *(theo QĐ số 1678)*	Kết quả thực hiện		
				Diện tích năm 2023 (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3.653,67	2.209,83	-1.443,84	60,48
-	Đất giao thông	DGT	2.452,29	1.297,30	-1.154,99	52,90
-	Đất thủy lợi	DTL	458,96	520,97	62,01	113,51
-	Đất xây dựng cơ ở văn hóa	DVH	29,69	21,00	-8,70	70,72
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,44	8,45	-4,99	62,88
-	Đất xd cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	307,13	145,40	-161,72	47,34
-	Đất xd cơ sở thể dục thể thao	DTT	58,27	21,09	-37,18	36,20
-	Đất công trình năng lượng	DNL	30,35	7,19	-23,16	23,70
-	Đất bưu chính viễn thông	DBV	1,02	1,02		100,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	62,12		-62,12	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,20	2,89	-2,31	55,63
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	33,25	31,54	-1,71	94,86
-	Đất lnghĩa trang, nhà tang lễ, nht	NTD	181,13	133,07	-48,05	73,47
-	Đất chợ	DCH	10,53	6,59	-3,94	62,58
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-			
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	220,86	5,30	-215,56	2,40
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.198,17	603,57	-594,60	50,37
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.578,94	757,94	-821,00	48,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	32,65	16,44	-16,22	50,34
2.16	Đất xd trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,53		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	21,10	18,90	-2,20	89,57
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	436,29	452,10	15,81	103,62
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	174,13	112,41	-61,72	64,56
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	5,82	6,47	0,65	111,15
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**64,07**	**66,35**	**2,28**	**103,57**

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch thời kỳ 2021-2030

4.2.1. Những mặt đạt được

- Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực chất, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để Nhà nước thực hiện quyền định đoạt của mình về đất đai (thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...).

- Thông qua công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhận thức về vị trí,

vai trò và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp chính quyền và người sử dụng đất được nâng lên; công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực chất; việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã cơ bản bám sát và tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; từng bước khắc phục được tình trạng giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền, không đúng đối tượng

- Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tạo quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực phát triển, thực hiện có kết quả những mục tiêu, nhiệm vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang và phát triển đô thị.

- Đất dành cho phát triển các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới tiếp tục được mở rộng, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

- Những thay đổi của Luật đất đai năm 2013 về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã giúp hạn chế được tình trạng quy hoạch treo, gây bức xúc trong dư luận xã hội, tác động tiêu cực đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất. Nội dung quy hoạch sử dụng đất thực hiện phân bổ chỉ tiêu các loại đất theo từng cấp quy hoạch để vừa đảm bảo tính chặt chẽ, khoa học, vừa đáp ứng được yêu cầu quản lý của từng cấp.

4.2.2. Những tồn tại, hạn chế

- Còn thiếu tính đồng bộ giữa quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (chưa có sự thống nhất về không gian và thời gian, nội dung lập và điều chỉnh quy hoạch có nhiều điểm khác nhau ở hệ thống quy hoạch, việc xác định các chỉ tiêu sử dụng đất của cùng một giai đoạn được xác định không thống nhất...).

- Chính sách đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vẫn còn những bất cập nhất định, dẫn tới thời gian triển khai các dự án phải kéo dài.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có hai khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng và sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện.

- Mặc dù quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt đã được các cơ quan chức năng công bố rộng rãi nhưng phần lớn người sử dụng đất vẫn còn hạn chế về nhận thức trong tổ chức sử dụng đất theo quy hoạch.

- Các hồ sơ còn lại chưa thực hiện cấp giấy đều là những hồ sơ khó khăn, vướng mắc và phức tạp (về thủ tục giấy tờ do trong quá trình sử dụng, giao dịch

đất đai, người dân chưa hiểu hết và chưa thực hiện theo các quy định của pháp luật dẫn đến hồ sơ thiếu thủ tục giấy tờ, khó khăn trong quá trình hoàn thiện hồ sơ). Các văn bản hướng dẫn về công tác cấp GCNQSD đất liên tục thay đổi nhưng còn chưa đồng bộ nên chưa kịp thời tháo gỡ những vướng mắc dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức thực hiện. Một số người dân không đồng tình kê khai hồ sơ do không đồng ý nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Trong công tác xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất hiện nay mất rất nhiều thời gian do phải thực hiện quy trình thuê đơn vị tư vấn, họp các ban ngành, trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án nhận chuyển nhượng gặp khó khăn trong quá trình thỏa thuận với các hộ gia đình, cá nhân, do người chuyển nhượng đưa ra giá chuyển nhượng cao hơn rất nhiều so với mặt bằng chung, dẫn đến cùng một dự án có các mức giá khác nhau, chênh lệch lớn gây tâm lý không tốt cho các hộ đã chuyển nhượng trước. Đây cũng là nguyên nhân gây khó khăn cho các dự án nhận thỏa thuận khác, dẫn đến thời gian giải phóng mặt bằng bị kéo dài ảnh hưởng đến việc đầu tư, khai thác và sử dụng đất.

- Công tác chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn chậm, số lượng dự án, mô hình chuyển đổi chưa nhiều và dự án phát triển kinh tế hiệu quả còn hạn chế. Việc nhân rộng các mô hình sản xuất mới có hiệu quả còn hạn chế, kết quả sản xuất kinh doanh chưa cao (hòa vốn hoặc lỗ); sản xuất đơn thuần, chưa chủ động mạnh dạn phát triển trang trại tổng hợp, chưa quan tâm đến phát triển kinh tế gắn với việc đảm bảo môi trường. Một số chủ dự án nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp hoặc cố tình vi phạm về trật tự xây dựng và sử dụng đất không đúng mục đích, không tuân thủ theo đúng quyết định phê duyệt của UBND tỉnh và các quy định về chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

- Trong hoạt động của bộ máy quản lý, nhìn chung trình độ, năng lực cán bộ địa chính ở cơ sở còn hạn chế. Hệ quả là tình trạng vi phạm pháp luật trong quản lý và sử dụng đất còn xảy ra, đặc biệt trong việc giao, cho thuê đất; chuyển mục đích sử dụng đất; lúng túng trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến đất đai… làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước về đất đai.

- Sự phối hợp giữa UBND các cấp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện một số nhiệm vụ về quản lý đất đai vẫn còn có thời điểm chưa tốt, chưa phát huy tốt vai trò giám sát của Mặt trận tổ quốc và nhân dân đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai, việc quản lý nhà nước về đất đai ở một số địa phương chưa thực sự đi vào nề nếp, ổn định.

4.2.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu

a) Nguyên nhân khách quan:

- Điều kiện phát triển kinh tế-xã hội những năm qua gặp nhiều khó khăn đã tác động lớn đến việc thực hiện kế hoạch và thu hút đầu tư trên địa bàn. Công tác dự báo nhu cầu và xác định danh mục các công trình, dự án đầu tư đưa vào kế hoạch, nhất là các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách chưa sát với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, khả năng thực hiện và luôn có sự thay đổi theo nhu cầu thị trường, nên kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, làm kéo dài thời gian lập và hoàn chỉnh hồ sơ sử dụng đất.

- Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 là thời kỳ đầu tiên thực hiện từ Luật Quy hoạch 2019 và Luật sử đổi bổ sung 1 số luật liên quan đến quy hoạch trong đó có Luật đất đai 2013, nên thành phố Sầm Sơn cũng như các địa phương khác gặp nhiều lúng túng trong triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Do khó khăn chung của nền kinh tế trong nước, tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá vật tư nông nghiệp tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất; giá bán sản phẩm nông sản bấp bênh, các chủ dự án thiếu sự liên kết trong sản xuất kinh doanh nên công tác tiêu thụ nông sản còn nhiều khó khăn. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp là việc khó, cần nhiều nguồn vốn, kinh nghiệm và mất nhiều thời gian hoàn vốn, lợi nhuận trong sản xuất nông nghiệp thấp nên khó kêu gọi đầu tư, dẫn đến các dự án chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp chưa nhiều, các chủ dự án vi phạm chuyển sang lĩnh vực phi nông nghiệp có lợi nhuận cao hơn.

- Sầm Sơn được quy hoạch đô thị, một bộ phân nông dân có tâm lý giữ đất chờ dự án, không thiết tha với đồng ruộng nhưng cũng không cho thuê ruộng để thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Một số phường, xã vẫn còn hiện tượng né tránh, không chủ động trong việc kiểm tra và xử lý dứt điểm mà vẫn để vi phạm tồn đọng, dẫn tới đơn thư tố cáo trên địa bàn.

- Các chế tài xử lý vi phạm đất đai- xây dựng còn khó thực hiện, chưa đủ mạnh và chưa đủ sức để răn đe, ngăn ngừa vi phạm tái phạm. Việc phối hợp giữa các ngành để ngăn chặn vi phạm cũng như trong tổ chức cưỡng chế chưa đồng bộ, thống nhất.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở còn thiếu chủ động trong việc định hướng, tìm mô hình kinh tế, tuyên truyền vận động và hướng dẫn nông dân sản xuất nông nghiệp hiệu quả. Chưa thường xuyên sâu sát, kiểm tra, giám sát các dự án, chưa phát hiện và quyết liệt xử lý kịp thời các vi phạm.

- Tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ chuyên môn của lực lượng quản lý đất đai, trật tự xây dựng còn chưa cao, vẫn còn có hiện tượng né tránh nên chưa đáp ứng được yêu cầu.

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất của thành phố có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Đảm bảo tiến độ, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực sát với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố. Đảm bảo tính minh bạch, công khai trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện nghiêm túc việc bố trí 10% tổng số tiền thu từ cấp quyền sử dụng đất cho công tác quản lý đất đai để đầu tư cho sự nghiệp của ngành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc tiển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai của thành phố.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong việc quản lý, sử dụng đất và giải quyết dứt điểm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai.

- Công tác quản lý đất đai được quan tâm chú trọng, song do tính chất phức tạp của đất đai, giá trị đất đai ngày càng tăng trong bối cảnh còn có những hạn chế, bất cập trong hệ thống chính sách nên tình trạng vi phạm pháp luật đất đai vẫn còn diễn ra ở các phường, xã, khó khăn trong việc khắc phục triệt để các tình trạng này.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn thành phố, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền.

- Tăng cường và thực hiện tốt việc phối hợp giữa các cấp, các ngành, giữa chính quyền các cấp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, thực hiện một cách đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị trong quản lý đất đai.

Phần II

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã

Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh cho địa bàn thị xã Duy Tiên tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu tỉnh phân bổ
(1)	(2)	(3)	(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**12.091,85**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**3.796,79**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.250,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	235,79
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**8.231,06**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	9,17
2.2	Đất an ninh	CAN	47,94
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.096,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	163,04
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	71,20
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	250,00
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.456,87
-	Đất giao thông	DGT	1.541,99
-	Đất thủy lợi	DTL	310,00
-	Đất xây dựng cơ ở văn hóa	DVH	83,44
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	16,37
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	402,93
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	64,76
-	Đất công trình năng lượng	DNL	27,00
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,74
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	1,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	12,70
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,60
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	33,73
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	163,28
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	5,50
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	903,15
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	1.202,94
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21,58
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**64,00**

2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Để đảm bảo nhu cầu đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, Quốc phòng. UBND thị xã thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của thị xã Duy Tiên đến năm 2030 và xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng thống kê 2023 (ha)	Diện tích điều chỉnh QH 2030 (ha)	So sánh
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**12.091,85**	**12.091,85**	**0,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**6.391,59**	**3.373,20**	**-3.018,38**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.295,24	1.559,71	-2.735,53
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*4.182,56*	*1.448,90*	*-2.733,66*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		544,96	544,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	355,79	297,17	-58,63
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS		632,48	632,48
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		338,88	338,88
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**5.633,91**	**8.665,64**	**3.031,73**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,37	10,70	-4,67
2.2	Đất an ninh	CAN	33,28	37,98	4,70
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.061,92	2.096,00	1.034,09
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	65,85	163,04	97,18
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	8,89	89,59	80,70
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	191,04	287,22	96,18
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		0,00	0,00
2.8	Đất sx vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		74,05	74,05
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.209,83	2.854,50	644,67
-	Đất giao thông	DGT	1.297,30	1.894,98	597,69
-	Đất thủy lợi	DTL	520,97	392,33	-128,64
-	Đất xây dựng cơ ở văn hóa	DVH	21,00	29,61	8,61
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,45	11,36	2,91
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	145,40	204,89	59,48
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	21,09	57,35	36,26
-	Đất công trình năng lượng	DNL	7,19	13,33	6,14
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,02	1,00	-0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		0,00	0,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		12,70	12,70
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,89	2,76	-0,13
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	31,54	30,72	-0,82
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	133,07	175,34	42,27
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		0,00	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		1,51	1,51

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng thống kê 2023 (ha)	Diện tích điều chỉnh QH 2030 (ha)	So sánh
-	Đất chợ	DCH		13,31	13,31
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		0,00	0,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		0,00	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,30	267,51	262,20
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	603,57	396,37	-207,20
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	757,94	1.700,61	942,67
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,44	44,92	28,49
2.16	Đất xd trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,53	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		18,97	18,97
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		450,19	450,19
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		167,09	167,09
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		6,36	6,36
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**66,35**	**53,00**	**-13,35**

3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

3.3.1. Đất nông nghiệp

Đến cuối năm 2030, đất nông nghiệp có diện tích 3.373,20 ha, chiếm 27,90% tổng diện tích tự nhiên, giảm -3.018,38 ha so với năm hiện trạng.

Cụ thể các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích đến năm 2030 là 1.559,71 ha, giảm 2.735,53 ha so với hiện trạng năm 2023.

- Đất trồng cây hàng năm khác: diện tích đến năm 2030 là 544,96 ha, thực giảm 95,85 ha so với hiện trạng năm 2023.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích đất trồng cây lâu năm đến năm 2030 là 297,17 ha, giảm 58,63 ha so với năm hiện trạng.

- Đất nuôi trồng thuỷ sản: đến năm 2030 có diện tích là 632,48 ha, giảm 99,48 ha so với năm hiện trạng 2023.

- Đất nông nghiệp khác: đến năm 2030 có diện tích là 338,88 ha, giảm 28,90 ha so với năm hiện trạng.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Đến năm 2030, với mục tiêu phát triển kinh tế của thị xã theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - dịch vụ thì việc đầu tư, hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng cơ sở đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ, đáp ứng đủ (nhu cầu sử dụng) cho các ngành trong từng thời kỳ cụ thể. Để đáp ứng các nhu cầu đó, diện tích đất dành cho mục đích phi nông nghiệp cần bố trí như sau:

- Đất an ninh tăng 4,70 ha;

- Đất khu công nghiệp 1.034,09 ha;

- Đất cụm công nghiệp 97,18 ha;

- Đất thương mại, dịch vụ tăng 81,03 ha;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 96,18 ha;

- Đất phát triển hạ tầng tăng 925,04 ha;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 262,20 ha;

- Đất ở tại nông thôn tăng 214,06 ha;

- Đất ở tại đô thị tăng 949,28 ha;

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 29,10 ha.

❖ *Đất quốc phòng*

Đến năm 2030, diện tích đất quốc phòng của thị xã là 10,70 ha, chiếm 0,12% diện tích đất phi nông nghiệp, không có biến động so với năm 2023.

❖ *Đất an ninh*

Đến năm 2030, diện tích đất an ninh của thị xã là 37,98 ha, chiếm 0,44% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 4,70 ha so với năm hiện trạng.

❖ *Đất khu công nghiệp*

Đến năm 2030, diện tích đất cụm công nghiệp của thị xã là 2.096,00 ha, chiếm 24,19% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 1.034,09 ha so với năm hiện trạng năm 2023.

❖ *Đất cụm công nghiệp*

Đến năm 2030, diện tích đất cụm công nghiệp của thị xã là 163,04 ha, chiếm 1,88% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 97,18 ha so với năm hiện trạng năm 2023.

❖ *Đất thương mại, dịch vụ*

Đến năm 2030, diện tích đất thương mại dịch vụ của thị xã là 89,59 ha, chiếm 1,03% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 80,70 ha so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của thị xã là 287,22 ha, chiếm 3,31% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 96,18 ha so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*

Đến năm 2030, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của thị xã là 74,05 ha chiếm 0,85% diện tích đất phi nông nghiệp, không có biến động so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất phát triển hạ tầng*

Đến năm 2030, diện tích đất phát triển hạ tầng của thị xã là 2.854,50 ha, chiếm 32,94% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 644,67 ha so với năm hiện trạng 2023.

Cụ thể các loại đất như sau:

➢ *Đất giao thông:*

Đến năm 2030, diện tích đất giao thông của thị xã là 1.894,98 ha, chiếm 66,39% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 597,69 ha so với năm hiện trạng 2023.

➢ *Đất thuỷ lợi:*

Đến năm 2030, diện tích đất thuỷ lợi của thị xã là 392,33 ha, chiếm 13,74% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực giảm -128,64 ha so với năm hiện trạng 2023.

➢ *Đất cơ sở văn hoá:*

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở văn hoá của thị xã là 29,61 ha, chiếm 1,04% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 8,61 ha so với năm hiện trạng 2023 do chuyển từ các loại đất sau:

+ Chuyển từ đất trồng lúa 8,27 ha;

+ Chuyển từ đất trồng cây lâu năm ha.

➢ *Đất cơ sở y tế:*

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở y tế của thị xã là 11,36 ha, chiếm 0,40% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 2,91 ha so với năm hiện trạng 2023.

➢ *Đất cơ sở giáo dục đào tạo:*

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo của thị xã là 204,89 ha, chiếm 7,18% diện tích đất phát triển hạ tầng; thực tăng 59,48 ha so với năm hiện trạng 2023.

➢ *Đất cơ sở thể dục thể thao:*

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở thể dục thể thao của thị xã là 57,35 ha, chiếm 2,01% diện tích đất phát triển hạ tầng; thực tăng 36,26 ha so với năm hiện trạng 2023.

➢ *Đất công trình năng lượng:*

Đến năm 2030, diện tích đất công trình năng lượng của thị xã là 13,33 ha, chiếm 0,47% đất phát triển hạ tầng, tăng 6,14 ha so với năm hiện trạng 2023.

➢ *Đất công trình bưu chính viễn thông:*

Đến năm 2030, diện tích đất công trình bưu chính viễn thông của thị xã là 1,00 ha, chiếm 0,04% đất phát triển hạ tầng, giảm -0,02 ha so với năm hiện trạng 2023.

➢ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Đến năm 2030, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của thị xã là 2,76 ha, chiếm 0,10% diện tích đất phi nông nghiệp, thực giảm -0,13 ha so với năm hiện trạng 2023.

➢ *Đất cơ sở tôn giáo*

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở tôn giáo của thị xã là 30,72 ha, chiếm 1,08% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng -0,82 ha so với hiện trạng năm 2023.

➢ *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Đến năm 2030 diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa của thị xã là 175,34 ha chiếm 6,14% diện tích đất phi nông nghiệp, thực giảm 42,27 ha so với hiện trạng năm 2023.

➢ *Đất chợ:*

Đến năm 2030, diện tích đất chợ của thị xã là 13,31 ha, chiếm 0,47% diện tích đất phát triển hạ tầng, tăng 6,72 ha so với năm hiện trạng 2023

❖ *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*

Đến năm 2030, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của thị xã là 267,51 ha, chiếm 3,09% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 262,20 ha so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất ở tại nông thôn:*

Đến năm 2030, diện tích đất ở tại nông thôn của thị xã là 396,37ha, chiếm 4,57% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng -207,20 ha so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất ở tại đô thị:*

Đến năm 2030, diện tích đất ở tại đô thị của thị xã là 1.700,61 ha, chiếm 19,62% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 942,67 ha so với năm 2023.

❖ *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Đến năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của thị xã là 44,92 ha, chiếm 0,52% diện tích đất phi nông nghiệp thực tăng 28,49 ha so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Đến năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp của thị xã là 0,53 ha, chiếm 0,006% diện tích đất phi nông nghiệp, không có biến động so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất cơ sở tín ngưỡng*

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của thị xã là 18,97 ha, chiếm 0,22% diện tích đất phi nông nghiệp, không có biến động so với năm 2023.

❖ *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Đến năm 2030, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của thị xã là 450,19 ha, chiếm 5,20% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 1,91 ha so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất có mặt nước chuyên dùng*

Đến năm 2030, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của thị xã là 167,09 ha chiếm 1,93% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 54,67 ha so với năm hiện trạng 2023.

❖ *Đất phi nông nghiệp khác*

Đến năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp khác của thị xã là 6,36 ha chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp, thực giảm 0,11 ha so với năm hiện trạng 2023.

3.3.3. Kế hoạch đất chưa sử dụng

Đến năm 2030, thị xã còn 53,00 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,44% diện tích tự nhiên, giảm -13,35 ha so với năm hiện trạng 2023.

4. Danh mục các công trình, dự án điều chỉnh kế hoạc sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Duy Tiên

a. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Duy Tiên (trên cơ sở chỉ tiêu phân bổ của tỉnh)

(Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo)

b. Danh mục các công trình, dự án dự kiến sẽ đưa vào trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Duy Tiên (trên cơ sở đề xuất của địa phương nếu được UBND tỉnh cân đối chỉ tiêu sử dụng đất)

(Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo)

(Xin ý kiến đối với các chỉ tiêu vượt so với chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch tỉnh cho địa bàn thị xã Duy Tiên như: chỉ tiêu đất trồng lúa, đất giao thông, ... do địa phương cập nhật các dự án đã có phê duyệt dự án, chủ trương đầu tư, văn bản nghiên cứu... của cơ quan có thẩm quyền.)

Phần III
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

1. Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất được phê duyệt tại Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hà Nam

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt theo Quyết định 1533	Diện tích điều chỉnh	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**12.091,85**	**12.091,85**	
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**4.471,40**	**4.487,38**	**15,98**
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.488,49	2.504,47	15,98
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*2.377,68*	*2.393,67*	*15,98*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	611,64	611,64	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	346,87	346,87	
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	669,51	669,51	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	354,88	354,88	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**7.554,76**	**7.538,78**	**-15,98**
	Trong đó:				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,37	15,37	
2.2	Đất an ninh	CAN	33,89	33,89	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.857,97	1.857,97	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	191,60	191,60	
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	62,35	62,35	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	216,29	216,29	
2.8	Đất sx vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	74,05	74,05	
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.599,38	2.539,17	-60,21
	Trong đó:				
-	Đất giao thông	DGT	1.687,55	1.643,77	-43,78
-	Đất thủy lợi	DTL	432,83	422,60	-10,23
-	Đất xây dựng cơ ở văn hóa	DVH	30,22	28,10	-2,12
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,74	10,74	
-	Đất xd cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	215,08	196,55	-18,53
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	27,49	40,43	12,94
-	Đất công trình năng lượng	DNL	8,38	8,38	
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,00	1,00	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,76	2,76	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	31,72	31,72	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ,NHT	NTD	130,55	130,55	
-	Đất chợ	DCH	7,75	7,75	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt theo Quyết định 1533	Diện tích điều chỉnh	So sánh
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	83,28	132,74	49,45
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	774,54	766,96	-7,58
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	981,53	980,02	-1,51
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,40	19,52	1,12
2.16	Đất xd trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,53	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	18,90	18,90	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	451,09	451,09	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	169,21	171,96	2,75
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,36	6,36	
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**65,68**	**65,68**	

2. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt theo Quyết định 1533	Diện tích điều chỉnh	So sánh
(1)	(2)	(3)		(4)=(5)+(6)+...	
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**1.920,19**	**2.078,20**	**158,01**
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1806,75	1.957,50	150,75
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC/PNN*	*1804,88*	*1.955,63*	*150,75*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	29,17	*31,85*	*2,68*
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	8,92	*10,39*	*1,47*
1.4	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS/PNN	62,45	65,56	3,11
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	12,90	12,90	
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**				
3	**Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở**	**PKO/OCT**	**73,61**	**77,50**	**3,89**

3. Điều chỉnh danh mục các dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Tổng số công trình, dự án trong danh mục (Biểu CH/10) đã được phê duyệt là 116 công trình với diện tích là 2.463,46 ha.

- Số công trình, dự án thay đổi về quy mô diện tích, tên dự án phải điều chỉnh là 04 dự án chiếm 3,45%, gồm:

- Danh mục các công trình, dự án cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Duy Tiên là 36 dự án, diện tích tăng thêm 246,78 ha.

(Chi tiết tại Biểu 10/CH)